

Bản án số: 68/2025/HC-PT

Ngày: 20/01/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Phùng Anh Dũng

Ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 448/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH T1; địa chỉ: 1 đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 Giám đốc Công ty TNHH T1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Q; địa chỉ: Khu phố I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Viết H – Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Lê Xuân N** – Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H**, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **H**, tỉnh **Quảng Trị**; địa chỉ: **Xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Công T** – Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: **Công ty TNHH T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2024, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Ngày 28/01/2010, **UBND xã H** và **Công ty TNHH T1** (gọi tắt là **Công ty T1**) ký hợp đồng mượn đất, trong đó **Công ty T1** mượn 48.000m² tại khu vực Xóm Mới, **xã M** để nuôi tôm thẻ chân trắng. Thời gian mượn đất từ ngày 23/02/2010 đến khi nào nhà nước có quyết định thu hồi thì Công ty sẽ trả lại mặt bằng và không có điều kiện đền bù về tài sản ở trên đất. Quá trình mượn đất, **Công ty T1** đã hỗ trợ tiền mượn đất hàng năm cho **UBND xã H** là 8 triệu đồng/ha/năm. **UBND xã H** đã nhận được số tiền 45.000.000 đồng từ **Công ty TNHH T1**. Sau đó, **Công ty T1** đã xây dựng nhà, thiết bị phục vụ việc nuôi tôm. Hiện nay tài sản đã tháo dỡ giao mặt bằng để xây dựng công trình.

Ngày 09/12/2019, **UBND huyện H** có Thông báo số 507/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án **Khu B**, trong đó bao gồm diện tích đất mà **Công ty T1** đã mượn **UBND xã H** để nuôi tôm nhưng **Công ty T1** không có danh sách hỗ trợ, bồi thường đối với tài sản trên đất nên đã có kiến nghị với **UBND huyện H**.

Ngày 11/9/2023, **UBND huyện H** có Văn bản số 1261/UBND-TH trả lời về việc không có cơ sở xem xét đề nghị của **Công ty T1** về việc bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất để xây dựng công trình bến **cảng M**.

Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy toàn bộ Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023 của **UBND huyện H** về việc trả lời kiến nghị của **Công ty TNHH T1** về bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất xây dựng dự án **Khu B**.

- Rút yêu cầu hủy một phần quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo Thông báo số 507/TB-UBND ngày 09/12/2019 của **UBND huyện H** về việc thu hồi đất thực hiện dự án **Khu B** giai đoạn 1 đối với phần liên quan đến **Công ty TNHH T1**.

2. Tại Văn bản số 1317/UBND-THT ngày 21/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện H và tại phiên đối thoại, tại phiên tòa người bị kiện trình bày:

Công ty TNHH T1 kiến nghị được bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất để xây dựng công trình Khu B là không có cơ sở; lý do: Công ty TNHH T1 tøm trên đất không hợp pháp và lúc thuê mượn đất đã có Văn bản cam kết ngày 28/02/2010 gửi UBND xã H với nội dung: “chấp hành trả lại mặt bằng và không đòi bồi thường thiệt hại các công trình hiện có trên đất đúng theo yêu cầu của UBND xã H đề ra” do đó UBND huyện H xem xét và ra Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023 của UBND huyện H về việc trả lời kiến nghị của Công ty TNHH T1 về bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất xây dựng dự án Khu B.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị trình bày:

Ngày 28/01/2010, UBND xã H và Công ty TNHH T1 ký hợp đồng mượn đất, trong đó Công ty T1 mượn 48.000m² tại khu vực xóm M, xã M để nuôi tøm thỏ chân trắng là không đúng quy định, việc cho mượn đất không thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

Tuy nhiên, Công ty TNHH T1 đã có Văn bản cam kết ngày 28/02/2010 gửi UBND xã H với nội dung: “chấp hành trả lại mặt bằng và không đòi bồi thường thiệt hại các công trình hiện có trên đất đúng theo yêu cầu của UBND xã H đề ra”.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 143; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 213; Điều 358; Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH T1 về việc hủy Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023 của UBND huyện H về việc trả lời kiến nghị của Công ty TNHH T1 về bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất xây dựng dự án Khu B.

Đình chỉ yêu cầu: Hủy một phần quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo Thông báo số 507/TB-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện H về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu B giai đoạn 1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2024 người khởi kiện Công ty TNHH T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty TNHH T1, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại Bản án sơ thẩm Công ty T1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo số 507/TB-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện H, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.3]. Kháng cáo của Công ty TNHH T1 là hợp lệ, trong thời hạn luật định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xem xét kháng cáo của Công ty TNHH T1, Hội đồng xét xử, xét thấy: Ngày 28/01/2010, Công ty TNHH T1 ký hợp đồng mượn đất với UBND xã H, diện tích 48.000m², tại khu vực Xóm Mới, xã M để nuôi tôm thẻ chân trắng,

thời gian mượn đất từ ngày 23/02/2010 đến khi nào Nhà nước có quyết định thu hồi thì Công ty sẽ trả lại mặt bằng và không yêu cầu đền bù về tài sản trên đất. Trước khi xây dựng các công trình, nhà, thiết bị phục vụ việc nuôi tôm trên đất, ngày 28/02/2010 Công ty T1 đã có Văn bản cam kết gửi UBND xã H với nội dung: “chấp hành trả lại mặt bằng và không đòi bồi thường thiệt hại các công trình hiện có trên đất đúng theo yêu cầu của UBND xã H đề ra”

Trong quá trình mượn đất, Công ty T1 đã hỗ trợ cho UBND xã H số tiền là 8 triệu đồng/ha/năm. UBND xã H đã nhận được số tiền 45.000.000 đồng từ Công ty TNHH T1. Sau đó, Công ty T1 đã xây dựng nhà, thiết bị phục vụ việc nuôi tôm, đến năm 2023 Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu B giai đoạn 1. Công ty TNHH T1 đã chấp hành tháo dỡ công trình, trả lại mặt bằng, nhưng có yêu cầu hỗ trợ 50% giá trị các công trình đã xây dựng trên đất, do không được UBND huyện H chấp nhận nên Công ty T1 đã có khiếu nại, UBND huyện H đã ban hành Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023, không chấp nhận khiếu nại của Công ty T1, do vậy, Công ty T1 đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu: Hủy toàn bộ Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023 của UBND huyện H về việc trả lời kiến nghị của Công ty TNHH T1 về bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất xây dựng dự án Khu B và yêu cầu hủy một phần quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo Thông báo số 507/TB-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện H, về việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu B giai đoạn 1, đối với phần liên quan đến Công ty T1.

Xem xét Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023 của UBND huyện H, Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước, trước đó, đã quy hoạch để xây dựng Khu B, nhưng do chưa xây dựng nên Công ty T1 mượn đất để sản xuất, kinh doanh có tính chất tạm thời, khi mượn Công ty T1 đã cam kết không yêu cầu bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, cho dù là thuê hay mượn nhưng đã có cam kết trước khi xây dựng nhà cửa, công trình thì đều là một điều kiện pháp lý với hậu quả là không được yêu cầu bồi thường về tài sản khi Nhà nước sử dụng thửa đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng, trước khi xây dựng các công trình phục vụ việc nuôi tôm, Công ty T1 cũng đã cam kết điều kiện không yêu cầu bồi thường tài sản trên đất mới được xây dựng, do đó, tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Công ty T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của Công ty T1, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Đối với nội dung Toà án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng Hợp đồng mượn đất giữa Công ty TNHH T1 với UBND xã H ngày 28/01/2010 “trái pháp luật, hợp đồng không phát sinh hiệu lực” là không đúng, bởi lẽ, đây là vụ án hành chính, đối tượng xem xét là quyết định hành chính của UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị việc xem xét, đánh giá hợp đồng thuê, mượn đất và giải quyết hậu quả của hợp đồng phải bằng một quan hệ dân sự khác, không xem xét, đánh giá trong vụ án này.

[4] Đối với Quyết định đình chỉ phần Công ty TNHH T1 đã rút yêu cầu khởi kiện tại Bản án sơ thẩm, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên Công ty TNHH T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH T1, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Áp dụng Điều 88, Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH T1 về việc hủy Công văn số 1261/UBND-TH ngày 11/9/2023 của UBND huyện H về việc trả lời kiến nghị của Công ty TNHH T1 về bồi thường, hỗ trợ kinh phí thiệt hại do thu hồi đất xây dựng dự án Khu B.

2. Đối với Quyết định đình chỉ phần Công ty TNHH T1 đã rút yêu cầu khởi kiện tại Bản án sơ thẩm, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Công ty TNHH T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000171 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Công Thi